TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CHIÊM HÓA** **TỈNH TUYÊN QUANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 28/2022/HNGĐ-ST
Ngày: 06/7/2022
V/v "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"

NHÂN DANH

NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHIÊM HOÁ - TỈNH TUYÊN QUANG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà Đào Thị Bích Ngọc.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Trần Thị Hường.

2. Bà Trương Ngọc Phượng.

- Thư ký phiên toà: Bà Bàn Thị Bích Duyên - Thư ký Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân huyện Chiêm Hoá *tham gia phiên tòa*: Bà Chu Thị Hoa - Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 7 năm 2022 tại Trụ sở Toà án nhân dân huyện Chiêm Hoá xét xử sơ thẩm công khai vụ án ly hôn thụ lý số: 57/2022/TLST - HNGĐ ngày 14 tháng 3 năm 2022 về việc "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung khi ly hôn* ", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 24/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 5 năm 2022; Quyết định hoãn phiên tòa số 17/2022/QĐST-HNGĐ ngày 08/6/2022.

1. Nguyên đơn: Chị Phạm Lệ K, sinh năm 1993;

Địa chỉ: Thôn L, xã X, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Hoàng Văn C1, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện, bản tự khai, quan điểm trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn chị Phạm Lệ K trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị và anh Hoàng Văn C1 được tự do tìm hiểu, đi đến hôn nhân trên tinh thần tự nguyện, được hai bên gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục tập quán; anh chị làm thủ tục đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã P, huyện C theo quy định của pháp luật vào năm 2011. Sau khi kết hôn vợ chồng anh chị làm ăn, sinh sống tại thôn Đ, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Cuộc sống chung hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân là do vợ chồng tính tình không hợp nhau, bất đồng quan điểm sống, không có sự chia sẻ trong cuộc sống, chị và anh C1 đã sống ly thân từ năm 2017 cho đến nay.

Chị K xác định tình cảm vợ chồng không còn, mâu thuẫn vợ chồng đã trầm trọng không thể hàn gắn để quay về xây dựng gia đình hạnh phúc, tiến bộ nên đề nghị Tòa án giải quyết cho chị ly hôn với anh Hoàng Văn C1.

Về con chung: Quá trình chung sống vợ chồng anh chị sinh được 01 con chung tên là cháu Hoàng Ngọc H, sinh ngày 02/02/2012. Chị có quan điểm đề nghị được trực tiếp nuôi dưỡng cháu H và không yêu cầu anh C1 cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình thụ lý, giải quyết vụ án, Tòa án đã báo gọi anh Hoàng Văn C1 đến để giải quyết việc chị Phạm Lệ K đề nghị ly hôn nhưng anh C1 đều không có mặt. Qua xác minh tại địa phương thì hiện nay anh C1 vẫn đăng ký hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Theo lời khai của bà Hoàng Thị B (mẹ đẻ của anh Hoàng Văn C1) thì anh C1 và chị K có được tìm hiểu, tự nguyện đến với nhau, được gia đình tổ chức cưới hỏi theo phong tục địa phương và đăng ký kết hôn theo quy định. Sau khi cưới thì vợ chồng chị K và anh C1 ở tại thôn Đ, xã P, huyện C. Đến năm 2017 chị K cùng cháu Hoàng Ngọc H chuyển về nhà bố mẹ đẻ tại thôn L, xã X sinh sống, chị K và anh C1 sống ly thân từ đó đến nay, không quan tâm, chăm sóc nhau nữa. Bà B không biết nguyên nhân mâu thuẫn vợ chồng giữa chị K và anh C1.

Chị K làm đơn xin ly hôn với anh C1, anh C1 có biết và nhất trí ly hôn nhưng do đi làm ăn xa nên không về. Bà B cũng không biết địa chỉ nơi ở tạm trú của anh C1. Gia đình bà có nhận được văn bản của Tòa án và đã thông báo cho anh C1 biết việc chị K xin ly hôn nhưng anh C1 không về.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật tố tụng của Thẩm phán và Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của nguyên đơn trong quá trình giải quyết vụ án đều đảm bảo đúng quy định; Bị đơn không thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ theo quy định tại các Điều 70, 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Áp dụng các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án:

- Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn"* của chị Phạm Lệ, cho chị Phạm Lệ K được ly hôn với anh Hoàng Văn C1.

- Giao cháu Hoàng Ngọc H, sinh ngày 02/02/2012 cho chị Phạm Lệ Ktrực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hoàng Văn C1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

- Về tài sản và nợ chung chị Phạm Lệ K không đề nghị Tòa án giải quyết, do vậy không xem xét.

- Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Phạm Lệ K phải nộp toàn bộ tiền phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn) theo quy định. Anh Hoàng Văn C1 không phải nộp án phí. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về pháp luật tố tụng.

Chị Phạm Lệ K khởi kiện yêu cầu Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang giải quyết cho chị ly hôn với anh Hoàng Văn C1; Anh Hoàng Văn C1 có hộ khẩu thường trú tại thôn Đ, xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang. Căn cứ theo khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự thì đây là tranh chấp hôn nhân và gia đình về "*Ly hôn, tranh chấp nuôi con khi ly hôn"* và thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tuyên Quang.

Chị Phạm Lệ K có đơn xin xét xử vắng mặt, anh Hoàng Văn C1 đã được triệu tập hợp lệ hai lần nhưng vắng mặt không có lý do, nên cần áp dụng các Điều 227, 228, 238 Bộ luật tố tụng xét xử vắng mặt đương sự.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án nhân dân huyện C đã tiến hành xác minh thu thập chứng cứ; thực hiện các thủ tục tống đạt văn bản tố tụng theo quy định của pháp luật.

[2] Về việc xem xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Chị Phạm Lệ K và anh Hoàng Văn C1 có đủ điều kiện kết hôn theo quy định tại Điều 8 của Luật Hôn nhân và gia đình; có đăng ký kết hôn vào năm 2011 tại UBND xã P, huyện C, tỉnh Tuyên Quang nên được xác định là hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2016 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã. Hội đồng xét xử thấy rằng, cuộc sống chung của vợ chồng chị K và anh C1 không có sự gắn kết, chia sẻ trong cuộc sống để xây dựng một gia đình hạnh phúc; cả hai đều đã không còn quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau; không cùng nhau chia sẻ, thực hiện các công việc trong gia đình nên không thể tồn tại một gia đình hạnh phúc, tiến bộ. Như vậy, căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57 Luật Hôn nhân và gia đình thì tình trạng hôn nhân của chị K và anh C1 đã lâm vào tình trạng trầm trọng, mục đích hôn nhân không đạt được nên Hội đồng xét xử thấy rằng giữa chị K và anh C1 không có sự gắn kết trong cuộc sống, chị K và anh C1 đã sống ly thân từ năm 2017 đến nay, cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Phạm Lệ K.

[2.2] Về con chung: Chị Phạm Lệ K và anh Hoàng Văn C1 có 01 con chung là cháu Hoàng Ngọc H, sinh ngày 02/02/2012. Cháu H có nguyện vọng được ở cùng chị K, anh C1 không có mặt tại phiên tòa và không có ý kiến gì nên Hội đồng xét xử xét thấy cần giao cháu Hoàng Ngọc H, sinh ngày 02/02/2012 cho chị Phạm Lệ K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục là phù hợp quy định tại các Điều 81, 82, 83 Luật hôn nhân gia đình. Anh Hoàng Văn C1 không

phải cấp dưỡng nuôi con chung và có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Trường hợp có sự thay đổi về điều kiện trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục ảnh hưởng đến quyền lợi về mọi mặt của con và các bên đương sự có yêu cầu thì Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Chị Phạm Lệ K không đề nghị Toà án giải quyết, do đó Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí và quyền kháng cáo: Chị Phạm Lệ K phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn), theo quy định tại các Điều 143, 144, 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án. Các đương sự được quyền kháng cáo bản án theo quy định tại điều 271 và điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự .

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28 ; các Điều 35, 39, 143, 144, 147, 227, 228, 238, 271 và 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các Điều 51, 53, 56, 57, 81, 82, 83 của Luật Hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về *"*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn*"* của chị Phạm Lệ K.

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho chị Phạm Lệ K được ly hôn với anh Hoàng Văn C1.

2. Về con chung: Giao cháu Hoàng Ngọc H, sinh ngày 02/02/2012 cho chị Phạm Lệ K trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục. Anh Hoàng Văn C1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm (trong vụ án ly hôn): Chị Phạm Lệ K phải nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm ly hôn là 300.000đ (ba trăm nghìn đồng). Chị Phạm Lệ K đã nộp số tạm ứng án phí là 300.000đ theo biên lai số AA/2021/0003682 ngày 14/3/2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện C nay được khấu trừ vào tiền án phí.

Anh Hoàng Văn C1 không phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm hôn nhân gia đình.

4. Về quyền kháng cáo: Chị Phạm Lệ K và anh Hoàng Văn C1 được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản sao bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Nơi nhận:
- Các đương sự;
- VKSND huyện C;
- UBND xã P;
- Chi cục THADS huyện C;
- TAND tỉnh Tuyên Quang;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Đào Thị Bích Ngọc